

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phạm Thị Hằng^{1,2}, Nguyễn Thị Hải³, Nguyễn Hữu Ngữ^{3,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục đích xác định một số nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền sử dụng đất (QSDĐ) của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tỉnh Bình Định, từ đó làm cơ sở cho chính quyền địa phương đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các QSDĐ chính thức của đồng bào DTTS. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để phân tích các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS. Nghiên cứu thực hiện khảo sát 280 hộ đồng bào DTTS Chăm, Bana, Hrê tại huyện An Lão, huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh của tỉnh Bình Định. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS tỉnh Bình Định gồm vai trò người có uy tín trong cộng đồng, luật tục, năng lực đồng bào DTTS và chính sách đất đai. Trong đó, năng lực đồng bào DTTS có ảnh hưởng lớn nhất đến việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS thông qua phương trình hồi quy chuẩn hóa thực hiện QSDĐ = $0,143 \times \text{Luật tục} + 0,574 \times \text{Năng lực đồng bào DTTS} - 0,099 \times \text{Chính sách đất đai} + 0,414 \times \text{Vai trò người có uy tín} + \varepsilon$.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, phân tích nhân tố, quyền sử dụng đất, tỉnh Bình Định.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

QSDĐ bao gồm quyền tiếp cận, nắm giữ, sử dụng, hoặc chuyển nhượng đất đai [1]. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, lịch sử và truyền thống, mỗi quốc gia thực hiện xây dựng mô hình cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền của đồng bào DTTS trên cơ sở phải tuân thủ bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của khu vực và quốc tế.

Việt Nam có 5.468 xã vùng DTTS và miền núi, chiếm 49,0% tổng số xã trên toàn quốc, tỷ lệ nghèo và cận nghèo của các hộ DTTS cao gấp 3,5 lần tỷ lệ nghèo và cận nghèo chung của cả nước [2]. Đáng chú ý, có đến 1,2 triệu hộ DTTS của cả nước phải nhận hỗ trợ bằng tiền hoặc vật chất, chiếm 36,9% tổng số hộ DTTS đang cư trú tại các xã vùng DTTS [2]. Thực hiện QSDĐ được xem là chìa

khóa cho đồng bào DTTS ở cả vùng cao và vùng thấp tiếp cận các tài sản khác hay các sinh kế thay thế [3]. Theo Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất là đồng bào DTTS và hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nói chung đều có 8 quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn). Mặc dù được trao quyền và có thể sử dụng QSDĐ như một tài sản để phát triển sinh kế, tuy nhiên việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS hiện nay vẫn còn tình trạng tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế đất đai bằng giấy tờ viết tay hoặc trao đổi thông qua lời nói trực tiếp giữa hai bên. Việc thực hiện các QSDĐ một cách không chính thức gây nhiều khó khăn trong công tác xác minh nguồn gốc đất đai phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Do đó, nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện QSDĐ của hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS tỉnh Bình Định là cần thiết, làm cơ sở cho chính quyền địa phương đề xuất những giải

¹ NCS Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

² Trường Đại học Quy Nhơn

³ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Email: nhuungu@hueuni.edu.vn

pháp về chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện QSDĐ một cách chính thức, đem lại quyền lợi cho đồng bào DTTS và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Để xác định một số nhân tố tác động đến việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS, đã dựa trên cơ sở quan sát thực tiễn tại địa phương và thực hiện tổng hợp các tài liệu nghiên cứu tại Việt Nam và trên thế giới. Sau khi có thang đo, đã thực hiện lấy ý kiến chuyên gia là các giảng viên các

trường đại học ở miền Trung (6 người) và tham vấn người có kinh nghiệm về sự phù hợp của các nhân tố tác động đến thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS. Đội ngũ người có kinh nghiệm được tham vấn bao gồm 8 cán bộ địa chính xã, 8 cán bộ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường và 7 cán bộ tại Văn phòng đăng ký (VPĐK) đất đai tỉnh Bình Định, Chi nhánh huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh và huyện An Lão. Mô hình nghiên cứu một số nhân tố tác động đến thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS tại tỉnh Bình Định gồm 28 biến với 5 nhóm nhân tố được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Một số nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS

STT	Thang đo	Ký hiệu
1	Vai trò người có uy tín trong cộng đồng	RO
1.1.	Người có uy tín trong cộng đồng là cầu nối của Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể với đồng bào DTTS trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước	RO1
1.2	Người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được những khó khăn, nguyện vọng, kiến nghị của đồng bào DTTS về vấn đề quản lý, sử dụng đất đai	RO2
1.3	Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng lôi cuốn, tập hợp đồng bào thông qua lời nói và việc làm	RO3
1.4	Người có uy tín trong cộng đồng có khả năng giải quyết các vướng mắc của đồng bào DTTS	RO4
1.5	Người có uy tín trong cộng đồng liên tục tìm hiểu vướng mắc, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS trong việc sử dụng đất	RO5
2	Chính sách đất đai	LP
2.1	Phân bổ đất đai trong quy hoạch sử dụng đất cần đảm bảo quỹ đất cho không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đảm bảo quỹ đất ở và sản xuất nông nghiệp hợp lý	LP1
2.2	Đồng bào DTTS cần được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng chính sách đất đai	LP2
2.3	Lịch sử sử dụng đất cần được xem là một trong những cơ sở quan trọng để xác định vị trí giao đất cho đồng bào DTTS	LP3
2.4	Tập quán và văn hóa sản xuất cần được xem là một trong những cơ sở quan trọng để thực hiện chính sách giao đất cho đồng bào DTTS	LP4
2.5	Chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cần bảo đảm người bị thu hồi	LP5

	đất có chỗ ở, điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ	
3	Năng lực đồng bào DTTS	CO
3.1	Đồng bào dân tộc tại địa phương có kiến thức về pháp luật đất đai tốt	CO1
3.2	Đồng bào dân tộc tại địa phương liên tục cập nhật các kiến thức về pháp luật đất đai	CO2
3.3	Đồng bào dân tộc tại địa phương hiểu được ngôn ngữ chính quyền khi cán bộ hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai	CO3
3.4	Đồng bào dân tộc tại địa phương tự tin trong tiếp cận đất đai và thực hiện QSDĐ	CO4
3.5	Đồng bào dân tộc tại địa phương rất thông thạo tiếng của đồng bào dân tộc Kinh	CO5
4	Luật tục	CL
4.1	Luật tục cho phép các thành viên trong cộng đồng dân tộc được chọn thửa đất bất kỳ để sử dụng.	CL1
4.2	Luật tục cho phép các thành viên trong cộng đồng dân tộc có quyền sử dụng đất tạm thời hoặc lâu dài.	CL2
4.3	Luật tục và luật pháp của Nhà nước đều được công nhận, tuy nhiên có nhiều điểm khác biệt trong việc thực hiện các QSDĐ.	CL3
4.4	Việc chia tài sản theo luật tục, phong tục có sự phân biệt nam nữ.	CL4
4.5	Theo luật tục, tại một số vùng đất, đồng bào DTTS không được phép chuyển nhượng.	CL5
4.6	Nội dung luật tục liên quan đến việc thay đổi tên sau khi có con, có cháu làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các QSDĐ	CL6
4.7	Luật tục bao gồm những quy định về sử dụng đất riêng biệt như sử dụng đất khu “rừng ma”, “rừng thiêng”, buộc cộng đồng làng xã phải tuân theo.	CL7
5	Thực hiện QSDĐ	
5.1	Thực hiện quyền thuê đất giúp mở rộng quy mô sản xuất của đồng bào DTTS	LUR1
5.2	Thực hiện nhận chuyển nhượng QSDĐ được xem là phương thức quan trọng để mở rộng quỹ đất canh tác của đồng bào DTTS	LUR2
5.3	Quyền thừa kế đất đai chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ	LUR3
5.4	Quyền tặng cho chịu tác động bởi chế độ mẫu hệ, chế độ phụ hệ	LUR4
5.5	Văn hóa cộng đồng ảnh hưởng đến việc thực hiện các QSDĐ của đồng bào DTTS	LUR5
5.6	Thực hiện quyền về đất đai yếu kém có thể làm suy giảm sinh kế của đồng bào DTTS	LUR6

Phạm vi nghiên cứu và cỡ mẫu khảo sát: Theo Nguyễn Đình Thọ (2013) [4], để phân tích nhân tố EFA cần kích thước mẫu đủ lớn. Theo Hair và cs (2006) [5], kích thước mẫu tối thiểu cần phải có là 50 mẫu, tốt hơn là 100 mẫu với tỷ lệ quan sát trên biến đo lường là 5: 1, tức là 1 biến đo lường cần ít nhất là 5 quan sát, tốt nhất là 10: 1 trở lên. Vì vậy,

đã chọn kích thước mẫu tốt nhất cho mô hình nghiên cứu là 28*10=280 mẫu. Số liệu sơ cấp được thu thập năm 2023 thông qua điều tra phỏng vấn trực tiếp 280 hộ gia đình, cá nhân tại 6 xã (ở 3 huyện, mỗi huyện chọn 2 xã) đại diện cho 3 vùng sinh sống với nét đặc trưng văn hóa của cộng đồng dân tộc Chăm, Bana và Hrê. Vì đặc điểm phân bố

và giữ được nét đặc thù của dân tộc, nên đã tập trung nghiên cứu đối tượng là đồng bào dân tộc Bana ở huyện Vĩnh Thạnh (đại diện là xã Vĩnh Hiệp, thị trấn Vĩnh Thạnh), dân tộc H'rê ở huyện An Lão (đại diện là xã An Vinh, xã An Hòa), dân tộc Chăm ở huyện Vân Canh (đại diện là xã Canh Hòa, xã Canh Thuận). Tại 4 xã của 2 huyện Vân Canh và huyện Vĩnh Thạnh, mỗi xã điều tra 47 phiếu. Tại 2 xã của huyện An Lão, mỗi xã điều tra 46 phiếu. Phiếu điều tra được tiến hành theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên từ các hộ gia đình, cá nhân là đồng bào DTTS ít nhất đã thực hiện một trong số các giao dịch chính thức hoặc không chính thức liên quan đến thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho tại khu vực nghiên cứu trong giai đoạn 2015-2022. Trong nghiên cứu này, thuật ngữ giao dịch chính thức là các giao dịch về chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho của hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS đã được đăng ký thực hiện tại UBND xã, Chi nhánh VPĐK; giao dịch không chính thức là các giao dịch được thực hiện thông qua lời nói trực tiếp giữa hai bên hoặc giấy tờ viết tay. Phiếu điều tra tập trung vào đánh giá mức độ đồng ý của hộ gia đình, cá nhân tham gia khảo sát đối với 5 thang đo được đưa ra. Mỗi biến quan sát trong các thang đo được thiết kế trả lời theo thang đo Likert 5 mức độ [6]. Các mức độ của thang đo là 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý.

2.2. Xử lý số liệu

Để phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS, đã thực hiện kiểm định phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm xem xét mối quan hệ giữa các biến ở tất cả các nhân tố khác nhau, đồng thời phát hiện ra những biến quan sát tải lên nhiều nhân tố hoặc các biến quan sát bị phân sai nhân tố từ ban đầu. Đã tiến hành đánh giá độ tin cậy thang đo để đảm bảo thang đo và biến quan sát đủ độ tin cậy trước khi tiến hành phân tích EFA. Một thang đo tốt khi các biến quan sát có giá trị hệ số tương quan biến tổng

từ 0,3 trở lên [7]. Một thang đo đảm bảo tính đơn hướng và đạt độ tin cậy nên đạt ngưỡng Cronbach's Alpha từ 0,7 trở lên [8, 9]. Việc phân tích nhân tố được thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1, kiểm định sự thích hợp của phân tích nhân tố: Hệ số KMO là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số của KMO trong khoảng từ 0,5 - 1 là điều kiện đủ để phân tích nhân tố [10]. Kiểm định Bartlett dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Khi giá trị sig Bartlett's Test < 0,05, chúng ta có thể khẳng định các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố [11].

- Bước 2, xác định số lượng nhân tố trong phân tích EFA: Trị số Eigenvalue là một tiêu chí sử dụng để xác định số lượng nhân tố trong phân tích EFA. Theo Kaiser và cs (1974) [10], chỉ có những nhân tố có Eigenvalue ≥ 1 mới được giữ lại trong mô hình phân tích.

- Bước 3, xác định các biến quan sát cấu thành nhân tố được rút ra từ phép quay Varimax: Theo Hurland (1999) [12], hệ số tải từ 0,5 là biến quan sát đạt chất lượng tốt. Thông qua ma trận xoay nhân tố, có thể xác định được các biến quan sát đã được phân đúng các nhân tố hay không.

- Bước 4, phân tích hồi quy tuyến tính bội đánh giá sự tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện các quyền của người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS tỉnh Bình Định

Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên là 606.640 ha, nằm sát bên sườn phía Đông của dãy núi Trường Sơn, có địa hình dốc và phức tạp [13]. Tỉnh Bình Định có 27 DTTS sinh sống tập trung theo cộng đồng làng tại 33 xã, thị trấn thuộc 6 huyện miền núi và trung du. Trong đó, Chăm, Bana và H'rê là 3 dân tộc cư

trú lâu đời với 9.300 hộ, 35.700 nhân khẩu cư trú, chiếm tỉ lệ 97,89% số hộ đồng bào DTTS tỉnh Bình Định, tập trung chủ yếu tại huyện Vân Canh, An Lão và Vĩnh Thạnh [14]. Dân tộc thiểu số ở Bình Định chỉ chiếm 2% dân số toàn tỉnh nhưng cư trú trên một vùng núi rộng lớn [14]. Số hộ DTTS thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất tại Bình Định là 1.594 hộ, chiếm tỉ lệ 17,14% số hộ đồng bào DTTS. Tỷ lệ hộ nghèo tập trung chủ yếu ở 3 huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão và 18 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo [13]. Do đặc điểm cư trú của đồng bào DTTS chủ yếu là ở miền núi, địa hình chia cắt phức tạp, cùng với trình độ dân trí thấp, các giao dịch chuyển QSDĐ chủ yếu được thực hiện thông qua lời nói trực tiếp giữa hai bên và giấy tờ viết tay. Tại huyện Vĩnh Thạnh, đến năm 2020 chỉ 46,22% (1.157/2.503 hộ) hộ đồng bào DTTS được cấp GCNQSDĐ khi thực hiện các QSDĐ với diện tích là 655,64 ha, tổng số

GCNQSDĐ đã cấp là 2.791 [15]. Tại huyện An Lão, đến năm 2020 có 1.682/3.263 hộ DTTS đã được cấp với 34.878 GCNQSDĐ, chiếm tỉ lệ 51,55% số hộ DTTS [16]. Tại huyện Vân Canh, tổng số hộ đồng bào DTTS được cấp GCNQSDĐ là 690 hộ trên tổng số hộ là 3.419 hộ đồng bào DTTS (chiếm tỉ lệ 20,18% số hộ đồng bào DTTS được cấp GCNQSDĐ) [17]. Trung bình tỉ lệ cấp GCNQSDĐ khi thực hiện các QSDĐ đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với đồng bào DTTS tại 3 huyện Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh (địa bàn tập trung đến 96,68% số lượng đồng bào DTTS tỉnh Bình Định) chỉ đạt 39,32%.

3.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kết quả từ bảng 2 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của 5 thang đo có giá trị dao động từ 0,796 - 0,932 đảm bảo điều kiện lớn hơn 0,7 [8, 9]. Điều này chứng tỏ thang đo đảm bảo độ tin cậy cao.

Bảng 2. Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến này	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến này
					CL4	23,46	14,607	0,824	0,917
<i>Thang đo vai trò người có uy tín trong cộng đồng ($\alpha = 0,796$)</i>					CL5	23,78	15,454	0,734	0,926
RO1	19,19	1,726	0,772	0,684	CL6	23,44	15,947	0,734	0,926
RO2	18,94	2,576	0,734	0,753	CL7	23,41	15,168	0,801	0,920
RO3	19,00	2,573	0,523	0,778	<i>Thang đo chính sách đất đai ($\alpha = 0,886$)</i>				
RO4	18,97	2,573	0,597	0,767	LP1	15,46	6,249	0,690	0,872
RO5	19,33	1,598	0,613	0,791	LP2	15,50	6,401	0,772	0,852
<i>Thang đo năng lực đồng bào DTTS ($\alpha = 0,875$)</i>					LP3	15,47	6,214	0,848	0,835
CO1	8,09	8,020	0,909	0,805	LP4	15,33	6,257	0,707	0,867
CO2	8,06	8,215	0,664	0,859	LP5	15,26	6,883	0,630	0,883
CO3	7,94	8,584	0,586	0,877	<i>Thang đo thực hiện QSDĐ ($\alpha = 0,902$)</i>				

CO4	7,93	8,336	0,649	0,862	LUR1	22,56	7,594	0,879	0,861
CO5	7,98	8,150	0,755	0,836	LUR2	21,99	10,179	0,804	0,886
<i>Thang đo luật tục ($\alpha = 0,932$)</i>					LUR3	21,83	10,800	0,747	0,898
CL1	23,52	15,089	0,753	0,924	LUR4	22,57	7,056	0,934	0,852
CL2	23,52	14,996	0,780	0,922	LUR5	21,80	11,281	0,606	0,910
CL3	23,40	14,892	0,850	0,915	LUR6	22,54	7,533	0,818	0,876

Kết quả phân tích dữ liệu từ bảng 2 cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát có giá trị dao động từ 0,523 - 0,934, đảm bảo lớn hơn 0,3 [7]. Có thể kết luận các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu có chất lượng tốt.

3.3. Đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo

Theo Hair và cs (2014) [18], việc chạy chung EFA cho các biến độc lập và phụ thuộc là không phù hợp, vì vậy, đã thực hiện chạy EFA 2 lần cho mô hình nghiên cứu. Lần 1, chạy EFA cho 4 biến độc lập gồm RO, CO, CL, LP và lần 2 chạy EFA cho biến phụ thuộc là LUR.

- *Kiểm định sự thích hợp của phân tích nhân tố:*

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett đối với 4 biến độc lập cho thấy, hệ số KMO = 0,849, giá trị KMO được đánh giá là tốt theo Kaiser và cs (1974) [10], vì giá trị KMO nằm trong khoảng từ $0,8 \leq KMO \leq 0,89$. Giá trị KMO thỏa mãn điều kiện để phân tích nhân tố khám phá EFA. Kết quả kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 ($< 0,05$), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố [11].

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett

		Đối với biến độc lập	Đối với biến phụ thuộc
KMO		0,849	0,864
Kiểm định Bartlett	Chi-bình phương (χ^2)	4419,051	1550,678
	Bậc tự do df	231	15
	Sig.	0,000	0,000

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett đối với biến phụ thuộc thực hiện QSDĐ ở bảng 3 cho thấy, hệ số KMO đạt giá trị tốt (KMO = 0,864) và giá trị Sig. = 0,000 (thỏa mãn điều kiện $< 0,05$). Kết quả nghiên cứu chứng tỏ các biến có sự tương

quan với nhau và thỏa mãn điều kiện để phân tích nhân tố khám phá EFA [10, 11].

- *Xác định số lượng nhân tố trong phân tích EFA:*

Kết quả xác định số lượng nhân tố chính được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Giá trị Eigenvalue và phương sai giải thích các nhân tố

Nhân tố	Eigenvalue	% Phương sai	% Tích lũy	Nhân tố	Eigenvalue	% Phương sai	% Tích lũy
				21	0,116	0,526	99,594
<i>Giá trị Eigenvalue và phương sai giải thích các nhân tố của biến độc lập</i>				22	0,089	0,406	100,000
1	6,803	30,921	30,921	<i>Giá trị Eigenvalue và phương sai giải thích các nhân tố của biến phụ thuộc</i>			

2	4,282	19,465	50,386	1	4,448	74,130	74,130
3	2,309	10,495	60,881	2	0,745	12,411	86,540
4	1,970	8,954	69,834	...	...	...	...
5	0,994	4,518	74,353	6	0,085	1,412	100,000
...	...	...	...				

Bằng phương pháp trích Principal components và phép quay Varimax, đối với 4 thang đo của biến độc lập, có 4 nhân tố được rút ra từ 22 biến quan sát tại điểm dừng Eigenvalues là $1,970 > 1$ với tổng phương sai trích là $69,834\% > 50\%$. Đối với thang đo thực hiện QSDĐ (biến phụ thuộc), có 1 nhân tố

được rút ra từ 6 biến quan sát tại điểm dừng Eigenvalues là $4,448 > 1$ với tổng phương sai trích là $74,130 > 50\%$.

- *Xác định các biến quan sát cấu thành nhân tố được rút ra từ phép quay Varimax:*

Bảng 5. Kết quả trích nhân tố (ma trận xoay 4 nhân tố CL, CO, LP, RO)

Biến quan sát	Nhân tố				Biến quan sát	Nhân tố			
	1	2	3	4		1	2	3	4
CL3	0,894				CO3		0,726		
CL4	0,867				LP3			0,877	
CL7	0,847				LP2			0,843	
CL2	0,814				LP1			0,833	
CL6	0,800				LP4			0,742	
CL1	0,786				LP5			0,636	
CL5	0,723				RO2				0,871
CO1		0,928			RO1				0,787
CO5		0,857			RO4				0,782
CO2		0,770			RO3				0,740
CO4		0,763			RO5				0,667

Bảng 6. Kết quả trích nhân tố (ma trận xoay nhân tố LUR)

Biến quan sát	Nhân tố 1	Biến quan sát	Nhân tố 1
LUR4	0,947	LUR6	0,858
LUR1	0,908	LUR3	0,848
LUR2	0,860	LUR5	0,730

Thông qua ma trận xoay nhân tố (Bảng 5 và 6), có thể thấy các biến quan sát đã được phân đúng các nhân tố từ ban đầu. Đồng thời, hệ số tải các biến quan sát của 5 thang đo RO, CL, CO, LP, LUR dao

động từ 0,636 - 0,947 thỏa mãn điều kiện lớn hơn 0,5 [12]. Do đó, có thể kết luận cả 5 thang đo đảm bảo giá trị hội tụ và giá trị phân biệt [4]. Các nhân tố được đưa vào phân tích hồi quy nhằm xác định

mức độ tác động của từng nhân tố đến việc thực hiện các QSDĐ của hộ gia đình, cá nhân là đồng bào DTTS.

3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính bội đánh giá sự tác động của các nhân tố đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất là đồng bào DTTS

- Kiểm định độ phù hợp mô hình hồi quy:

Bảng 7. Kết quả kiểm định ANOVA

Mô hình		Tổng các bình phương	Df	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	66,959	4	16,740	142,308	0,000
	Phần dư	32,348	275	0,118		
	Tổng số	99,308	279			

Bảng 8 cho thấy R^2 điều chỉnh bằng 0,670, nghĩa là mức độ phù hợp của mô hình là 67,0%, còn

Bảng 7 cho thấy giá trị thống kê F với giá trị Sig. rất nhỏ (Sig.= 0,000 < 0,05), do đó, mô hình hồi quy là phù hợp. Có thể kết luận rằng mô hình hồi quy đa biến thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp cho việc rút ra các kết quả nghiên cứu.

lại 33,0% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

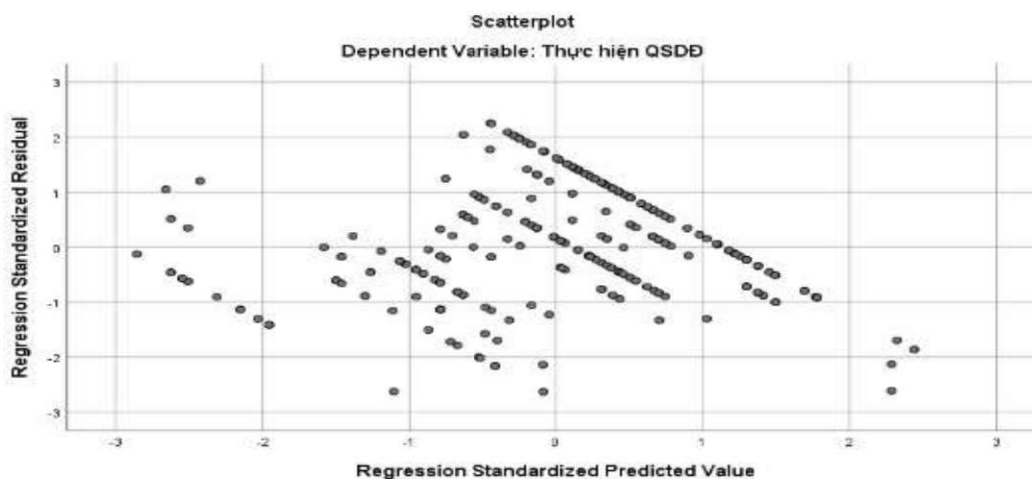
Bảng 8. Tóm tắt mô hình

Mô hình	R	R^2	R^2 điều chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Giá trị Durbin-Watson
1	0,821	0,674	0,670	0,34297	1,085

- Kiểm tra vi phạm các giả định hồi quy:

Biểu đồ Scatter Plot (Hình 1) cho thấy phần dư chuẩn hóa phân bố tập trung xung quanh

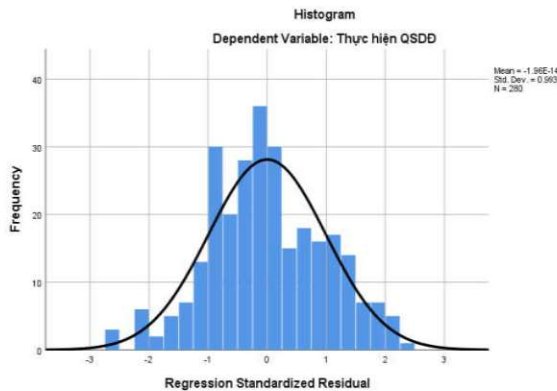
đường tung độ 0, do vậy, giả định quan hệ tuyến tính không bị vi phạm.



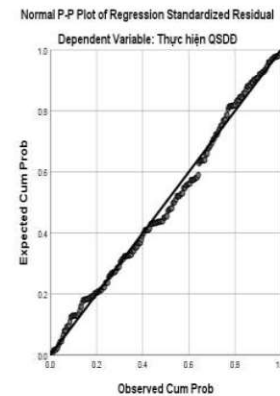
Hình 1. Biểu đồ Scatter Plot kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính

Khi kiểm tra giả định phần dư có phân phối chuẩn cho thấy, giá trị Mean = -1,96E-14, gần bằng 0, độ lệch chuẩn Std. Dev = 0,993 (Hình 2). Đồng thời, biểu đồ Normal P-P Plot (Hình 3) cho thấy,

các điểm dữ liệu phần dư tập trung khá sát với đường chéo. Như vậy, phân phối phần dư xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.



Hình 2. Biểu đồ tần số phần dư chuẩn hóa Histogram



Hình 3. Biểu đồ phần dư chuẩn hóa
Normal P-P Plot

Để đánh giá hiện tượng cộng tuyến trong mô hình hồi quy, đã sử dụng hệ số phóng đại phương sai VIF. Theo Nguyễn Đình Thọ (2013)[4], nếu $VIF > 2$ đã có thể xảy ra sự đa cộng tuyến, gây sai lệch các ước lượng hồi quy. Trong nghiên cứu này, giá trị VIF của các biến dao động từ 1,134 - 1,343, nhỏ hơn 2, do vậy, dữ liệu không vi phạm giả định đa cộng tuyến.

Sau khi kiểm tra các vi phạm giả định trong phân tích hồi quy, có thể kết luận mô hình hồi quy là phù hợp với tổng thể nghiên cứu vì không vi phạm các giả định. Để đánh giá hệ số hồi quy của mỗi biến độc lập có ý nghĩa trong mô hình hay không và mức độ tác động giữa các biến độc lập lên biến phụ thuộc, đã dựa vào giá trị kiểm định t (student) trong bảng hệ số hồi quy (Bảng 9).

Bảng 9. Hệ số hồi quy

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai tolerance	VIF
1	Hằng số	0,070	0,364		0,192	0,848		
	Luật tục	0,132	0,037	0,143	3,617	0,000	0,756	1,322
	Năng lực DTTS	0,484	0,031	0,574	15,649	0,000	0,882	1,134
	Chính sách đất đai	-0,095	0,038	-0,099	-2,492	0,013	0,745	1,343
	Vai trò người có uy tín	0,682	0,063	0,414	10,837	0,000	0,811	1,234

Bảng 9 cho thấy, giá trị Sig. của yếu tố luật tục, năng lực DTTS, chính sách đất đai, vai trò người có uy tín đều rất nhỏ (nhỏ hơn 0,05). Vì vậy, có thể khẳng định các nhân tố này có ý nghĩa trong mô hình.

Phương trình hồi quy chuẩn hóa được xây dựng như sau: Thực hiện quyền sử dụng đất = $0,143 \cdot \text{Luật tục} + 0,574 \cdot \text{Năng lực đồng bào DTTS} - 0,099 \cdot \text{Chính sách đất đai} + 0,414 \cdot \text{Vai trò người có uy tín} + \epsilon$.

Từ phương trình hồi quy chuẩn hóa cho thấy, năng lực đồng bào DTTS, vai trò người có uy tín tác động rất mạnh và thuận chiều đến việc thực hiện quyền của đồng bào DTTS, hệ số Beta chuẩn hóa lần lượt là 0,574 và 0,414. Yếu tố luật tục, phong tục tập quán có sự tương quan thuận với việc thực hiện QSDĐ (hệ số Beta chuẩn hóa là 0,143), kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Ngô Thạch Thảo Ly (2023) [19]. Nhân tố chính sách đất đai có tác động ngược chiều đến việc thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS. Điều này nói lên rằng, hiện nay đồng bào DTTS chưa tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước trong việc thực hiện các giao dịch QSDĐ. Hình thức giao dịch thông qua lời nói trực tiếp giữa hai bên hoặc giấy tờ viết tay còn diễn ra khá phổ biến trong đời sống cộng đồng DTTS.

4. KẾT LUẬN

Việc thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS Chăm, Bana, Hre tỉnh Bình Định chịu sự ảnh hưởng của 4 nhân tố gồm luật tục, vai trò người có uy tín trong cộng đồng, năng lực đồng bào DTTS và chính sách đất đai. Trong đó, năng lực đồng bào DTTS ảnh hưởng mạnh nhất đến việc thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS, tiếp theo là vai trò người có uy tín trong cộng đồng, luật tục và chính sách đất đai.

Mối quan hệ giữa chính sách đất đai và luật tục, chính sách đất đai và vai trò người có uy tín trong cộng đồng vẫn chưa được nghiên cứu làm rõ, đây cũng là điểm hạn chế của nghiên cứu. Trong tương lai, bên cạnh 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện QSDĐ của đồng bào DTTS đã được nghiên cứu, cần tiếp tục đánh giá, phân tích định lượng các mối quan hệ tác động gián tiếp giữa chính sách đất đai đến thực hiện các quyền sử dụng đất thông qua luật tục cũng như tác động gián tiếp của chính sách đất đai đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất là đồng bào DTTS thông qua vai trò người có uy tín trong cộng đồng.

Việc xác định được một số nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS là cơ sở khoa học cho địa phương đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt là thực hiện các quyền sử dụng đất của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alston, L., & Mueller, B. (2014). Towards a more evolutionary theory of property rights. *Iowa L. Rev.* 100, pp. 2255-2273.
2. Ủy ban Dân tộc (2019). *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Nxb Thống kê.
3. Sturgeon, J. C., Menzies, N. K., Fujita Lagerqvist, Y., Thomas, D., Ekasingh, B., Lebel, L., Phanvilay, K., & Thongmanivong, S. (2013). Enclosing ethnic minorities and forests in the golden economic quadrangle. *Development and Change*. 44(1), pp. 53-79.
4. Nguyễn Đình Thọ (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nxb Tài chính.
5. Hair, J., Black, W., Babin, B., Anderson, R., & Tatham, R. (2006). *Multivariate data analysis*, Vol. 6, 7th ed., Prentice-Hall, Upper Saddle River, NJ.
6. Likert, R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of psychology*.
7. Cristobal, E., Flavian, C., & Guinaliu, M. (2007). Perceived e-service quality (PeSQ): Measurement validation and effects on consumer satisfaction and web site loyalty. *Managing service quality: An international journal*. 17(3), pp. 317-340.
8. Nunnally, J. C. (1978). An overview of psychological measurement. *Clinical diagnosis of mental disorders: A handbook*, pp. 97-146.
9. Hair, J., Black, W., Babin, B., & Anderson, R. (2009). *Multivariate Data Analysis 7th Edition* Hoboken. In: *NJ: Pearson Prentice Hall*.

10. Kaiser, H. F., & Rice, J. (1974). Little jiffy, mark IV. *Educational and psychological measurement*, 34 (1), pp. 111-117.
11. Gorsuch, R. L. (2013). Exploratory factor analysis. *Milton Park: Taylor and Francis*.
12. Hulland, J. S. (1999). The effects of country-of-brand and brand name on product evaluation and consideration: A cross-country comparison. *Journal of International Consumer Marketing*, 11 (1), pp. 23-40.
13. UBND tỉnh Bình Định (2022). Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Bình Định, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
14. Ban Dân tộc tỉnh Bình Định (2023). Các thành phần dân tộc. <https://bdt.binhdinhh.gov.vn/content.php?id=99>. Truy cập ngày 12 tháng 4 năm 2023.
15. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh (2020). Báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất trên địa bàn huyện cho đồng bào dân tộc thiểu số.
16. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão (2020). Báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất trên địa bàn huyện cho đồng bào dân tộc thiểu số.
17. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vân Canh (2020). Báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất trên địa bàn huyện cho đồng bào dân tộc thiểu số.
18. Hair, J., Sarstedt, M., Hopkins, L., & G. Kuppelwieser, V. (2014). Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) An emerging tool in business research. *European business review*, 26(2), pp. 106-121.
19. Ngô Thạch Thảo Ly (2023). Nghiên cứu việc tiếp cận và thực hiện các quyền của người sử dụng đất tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Luận án Tiến sĩ ngành Quản lý đất đai, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

RESEARCH ON FACTORS AFFECTING TO THE IMPLEMENTATION OF LAND USE RIGHTS OF ETHNIC MINORITIES IN BINH DINH PROVINCE

Pham Thi Hang^{1,2}, Nguyen Thi Hai³, Nguyen Huu Ngu³

¹PhD Candidate, University of Agriculture and Forestry, Hue University

²Quy Nhon University

³University of Agriculture and Forestry, Hue University

Summary

The study aims to determine the factors affecting to the implementation of land use right of ethnic minorities in Binh Dinh province, thereby serving as a basis for local authorities to propose solutions to improve the efficiency of implementing official land use rights of ethnic minorities. The study used the exploratory factor analysis (EFA) method to analyze the influencing factors and the degree of influence of these factors on the implementation of land use rights of ethnic minorities. 280 households of ethnic minorities of Cham, Bana and Hre at An Lao district, Van Canh district, Vinh Thanh district in Binh Dinh province were surveyed. The results showed that four factors had affected to the implementation of land use rights of ethnic minorities including the role of reputable people in the community, customary law, the capacity of ethnic minorities and land policy. Among them, the capacity of ethnic minorities has the most significant influence on the implementation of land use rights of ethnic minorities via regression equation exercising land use right = 0.143*Customer law + 0.574*Ethnic minorities capacity – 0.099*Land policy + 0.414*Reputable person's role + ε.

Keywords: *Ethnic minorities, factor analysis, land use right, Binh Dinh province.*

Người phản biện: PGS.TS. Đỗ Thị Tám

Ngày nhận bài: 26/4/2023

Ngày thông qua phản biện: 19/5/2023

Ngày duyệt đăng: 26/5/2023